TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9- 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 92/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST- HNGĐ ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu Đ 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu Đ 3, xã Đ, huyện T, Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thị D trình bày:

Chị Lê Thị D tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Xuân C ngày 18/12/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau khoảng 02 năm, hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị D và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thái K, sinh ngày 07/12/2007 và cháu Nguyễn Yến T, sinh ngày 06/08/2014. Hiện nay hai cháu

đang ở cùng anh C. Quá trình giải quyết vụ án, chị D có quan điểm, khi ly hôn chị D xin được nuôi hai con và đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 5.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa, chị D có quan điểm, hiện nay cả hai cháu đều đang học tập tại khu Đ 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị D tôn trọng quyết định của các con, các con muốn ở với ai chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Anh C (bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân C.

+ Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu Nguyễn Thái K, sinh ngày 07/12/2007. Anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yến T, sinh ngày 06/08/2014 theo nguyện vọng của các cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia do không ai yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Xuân C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án. Anh C có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xã Đ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án để trình bày quan điểm và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do; HĐXX căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (anh C) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 18/12/2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D và anh C có những bất đồng quan điểm sống. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã Đ cho biết: quá trình chị D và anh C xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng, do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Qua nắm bắt thông tin từ khu dân cư được biết, chị D và anh C đã không chung sống cùng nhau từ nhiều năm nay. Nay chị D và anh C xin ly hôn địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Tòa án báo gọi anh C nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được quan điểm của anh C. Chị D và anh C có thời gian sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh C không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị D được ly hôn anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị D và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thái K, sinh ngày 07/12/2007 và cháu Nguyễn Yến T, sinh ngày 06/08/2014. Tại phiên tòa, chị D thừa nhận, trong nhiều năm nay khi vợ chồng sống ly thân, các con chung do anh C và bố mẹ anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị vẫn thăm con thường xuyên và chu cấp tiền để ông bà chăm sóc cháu. Chị D mong muốn được nuôi cả hai con nhưng sẽ tôn trọng ý kiến của các cháu. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng được ở với bố, cháu K có nguyện vọng ở với mẹ; vì vậy, giao cháu K cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù

hợp với mong muốn nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia do không ai yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị D xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết; Anh C không có quan điểm về sự việc trên, vì vậy HĐXX tách không giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ việc khác.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Trần Xuân C.

[2]. Về con chung: Giao chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu là cháu Nguyễn Thái K, sinh ngày 07/12/2007; giao cho anh Nguyễn Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yến T, sinh ngày 06/08/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

Chị D và anh C đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003764 ngày 16/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Bùi Thị D có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Xuân C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Đ.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan